

Lạc Dương, ngày 01 tháng 7 năm 2018

Báo cáo lần thứ: 5

Năm báo cáo: 2018

**PHIẾU THÔNG TIN VỀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên nhiệm vụ: Đánh giá hiệu quả áp dụng tháp dinh dưỡng đến tình hình SDD ở trẻ em từ 1 đến 5 tuổi tại 2 xã Đa chais, Đa nhim Huyện Lạc Dương năm 2012.

1.2. Loại hình nhiệm vụ (*đánh dấu vào mục phù hợp*):

☐ Đề tài khoa học và công nghệ

☐ Đề án khoa học

☐ Dự án SXTN

☒ Dự án khoa học và công nghệ

1.3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ/Tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả: Trung tâm ứng dụng Khoa học và Công nghệ.

1.4. Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ: NGUYỄN VĂN HÒA

1.5. Ngày được nghiệm thu, đánh giá chính thức: Ngày 24 tháng 11 năm 2014.

1.6. Giấy đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số: 2546/QĐ-UBND Lâm đồng ngày 24 tháng 11 năm 2014

1.7. Bộ/Ngành/UBND tỉnh chủ quản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Sở khoa học công nghệ Tỉnh Lâm Đồng

1.8. Mô tả nội dung ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Hiệu quả việc áp dụng tháp dinh dưỡng ở trẻ em từ 1 – 5 tuổi tại xã Đa Chais và Đa Nhim Huyện Lạc Dương.

Năm 2012: Thực trạng suy dinh dưỡng trẻ em từ 1 – 5 tuổi tại xã Đa Chais và Đa Nhim Huyện Lạc Dương trước khi can thiệp (28.8%). Tỷ lệ SDD chung năm 2012 trên toàn địa bàn (18.98%) trong đó tỷ lệ SDD xã Đa Nhim (31.29%) và xã Đa Chais (33.46%)

Năm 2013: Hiệu quả việc áp dụng tháp dinh dưỡng ở trẻ em từ 1 – 5 tuổi tại xã Đa Chais và Đa Nhim huyện Lạc Dương. Tỷ lệ suy dinh dưỡng đợt 2 là 23.7% so với tỷ lệ suy dinh dưỡng đợt 1 là 28.8%. Tỷ lệ SDD chung năm 2013 trên toàn địa bàn (17.56%) giảm 1.42% trong đó xã Đa Nhim (27.3%) giảm 3.29%, xã Đa Chais (30.23%) giảm 3.23%.

Năm 2017: Tỷ lệ SDD chung năm 2017 trên toàn địa bàn (14.53%) giảm 3.58% trong đó xã Đa Nhim (22.1%) giảm 5.2%, xã Đa Chais (30.23% 22.6%) giảm 7.66%. số liệu so với năm 2013.

Năm 2018: Tỷ lệ SDD chung năm 2018 trên toàn địa bàn (14.54%) giảm 3.582% trong đó xã Đa Nhim (20.65%) giảm 6.65%, xã Đa Chais (20.78%) giảm 9.48%. Số liệu so với năm 2013.

1.9. Nêu hiệu quả kinh tế (nếu có), tác động kinh tế - xã hội, môi trường, ý nghĩa khoa học, v.v.. mà những ứng dụng kết quả nhiệm vụ mang lại (nếu có):

- Thay đổi cách chế biến truyền thống sang chế biến bữa ăn khoa học trong chế biến thực phẩm và cân đối chế độ dinh dưỡng hợp lý trong khẩu phần ăn.

- Giảm tỷ lệ dinh dưỡng kéo dài qua các năm.

- Tạo bước phát triển ban đầu vững chắc cho các trẻ

II. PHÂN THÔNG TIN THEO LOẠI HÌNH NHIỆM VỤ

(Lựa chọn nội dung của phần thứ hai tùy theo loại hình nhiệm vụ)

Áp dụng đối với Đề tài khoa học và công nghệ

2.1. Kết quả của đề tài được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?:

(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp)

☐ Khoa học tự nhiên

☐ Khoa học công nghệ và kỹ thuật

☐ Khoa học nông nghiệp

☒ Khoa học y-dược

☐ Khoa học xã hội

☐ Khoa học nhân văn

2.2. Kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có được sử dụng để giải quyết vấn đề thực tế, là cơ sở để đề xuất những nội dung nghiên cứu hoặc những vấn đề mới?:

☐ Cơ sở để xây dựng Dự án SXTN

☐ Phát triển công nghệ mới

☐ Cơ sở để hình thành Đề án KH

☒ Được ứng dụng giải quyết vấn đề thực tế

☐ Hình thức khác:

2.3. Số lượng công bố khoa học, văn bằng sở hữu công nghiệp có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

2.3.1. Số lượng công bố trong nước: **Không**

2.3.2. Số lượng công bố quốc tế: **Không**

2.4. Từ ứng dụng kết quả của đề tài, có hình thành yêu cầu bảo hộ sở hữu công nghiệp không? (đơn yêu cầu bảo hộ; bằng bảo hộ được cấp,...): **Không**

2.5. Việc ứng dụng kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có góp phần vào đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ không? (cho biết số Tiến sỹ, Thạc sỹ sử dụng kết quả của đề tài cho nội dung luận án, luận văn của mình, nếu có): **Không**

Áp dụng đối với Đề án khoa học

2.1. Kết quả của đề án được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?

(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp):

☐ Khoa học tự nhiên

☐ Khoa học công nghệ và kỹ thuật

☐ Khoa học nông nghiệp

☐ Khoa học y-dược

☐ Khoa học xã hội

☐ Khoa học nhân văn

2.2. Kết quả của đề án khoa học được sử dụng để hình thành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nào? *(có thể nêu cụ thể những quyết định, văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn do đề án nghiên cứu được)*.....

Áp dụng đối với Dự án sản xuất thử nghiệm

2.1. Địa chỉ/Cơ sở mà kết quả của Dự án được áp dụng vào thực tế hoặc nhân rộng áp dụng *(có áp dụng thêm hoặc chuyển giao mô hình, giải pháp cho địa phương/đơn vị/cơ sở khác không? ,...)*.....

2.2. Hiệu quả của việc áp dụng, nhân rộng mô hình, giải pháp:.....

2.3. Hình thức nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án:

Áp dụng đối với Dự án khoa học và công nghệ

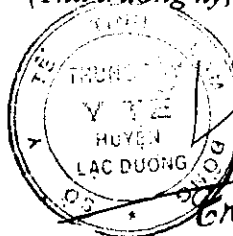
2.1. Quy mô hoặc sự phát triển của sản phẩm, quy trình công nghệ dựa từ kết quả của Dự án khoa học và công nghệ: được đưa vào ứng dụng nhân rộng tại địa bàn các xã trên địa bàn huyện Lạc dương

2.2. Hiệu quả kinh tế của Dự án:

- Giảm tỷ lệ dinh dưỡng kéo dài qua các năm.
- Thay đổi cách chế biến truyền thống sang chế biến bữa ăn khoa học trong chế biến thực phẩm và cân đối chế độ dinh dưỡng hợp lý trong khẩu phần ăn.
- Tạo bước phát triển ban đầu vững chắc cho các trẻ

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC BẢO CÁO KẾT QUẢ

(Thủ trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BHET GIAM M-ETIC

Chữ ký